ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TOÁN GIỮA KÌ I-LỚP 4
NĂM HỌC 2026-2027

Họ và tên: …… Lớp: ……

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số lẻ?

A. 768. **B.** 762. **C.** 767. **D.** 764.

Câu 2. Từ 51 đến 60 có bao nhiêu số chẵn?

A. 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 7.

Câu 3. Cho biết 133 và 135 là hai số lẻ liên tiếp. Vậy hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 4. Giá trị của biểu thức 1 285 + m : 5 với m = 315 là:

A. 263. **B.** 320. **C.** 1 605. **D.** 1 348.

Câu 5. Cho biểu thức (23 + **b)** × 3. Với b = 4 thì biểu thức có giá trị là:

A. 72. **B.** 27. **C.** 81. **D.** 73.

Câu 6. Tổng số tuổi của ông và cháu là số chẵn lớn nhất có 2 chữ số. Biết số tuổi của cháu là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số khác nhau. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi?

A. 75 tuổi. **B.** 90 tuổi. **C.** 84 tuổi. **D.** 85 tuổi.

Câu 7. Giá trị của biểu thức a + b - 135 với a = 500 và b = 200 là:

A. 562. **B.** 563. **C.** 564. **D.** 565.

Câu 8. Làm tròn đến hàng chục số bé nhất trong các số lẻ 123, 645, 133, 121 thì được số nào?

A. 130. **B.** 120. **C.** 140. **D.** 650.

Câu 9. Số chẵn lớn nhất có hai chữ số là:

A. 99. **B.** 98. **C.** 97. **D.** 96.

Câu 10. Đội Một trồng được 30 cây, đội Hai trồng được gấp đôi đội Một, đội Ba trồng nhiều hơn đội Một 20 cây. Cả ba đội trồng được là:

A. 110 cây. **B.** 130 cây. **C.** 140 cây. **D.** 150 cây.

Câu 11. Viết kí hiệu 80 độ thế nào là đúng?

A. 80*. **B.** 80 độ. **C.** 80□. **D.** 80°.

Câu 12. Góc được tạo bởi kim ngắn và kim dài khi đồng hồ chỉ 9 giờ là bao nhiêu độ?

A. 45°. **B.** 60°. **C.** 90°. **D.** 180°.

Câu 13. Dùng thước đo góc để đo góc đỉnh A; cạnh AB, A**C.** Số đo của góc đó là:

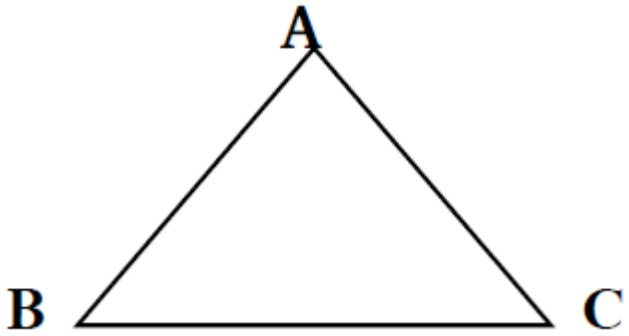

A. 30°. **B.** 40°. **C.** 45°. **D.** 70°.

Câu 14. Góc đỉnh O; cạnh OA, OC là:

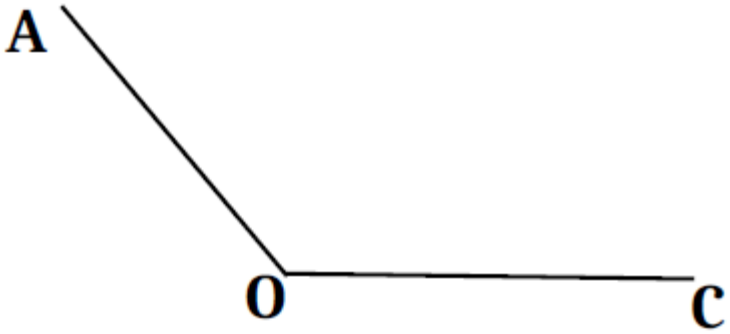

A. Góc nhọn. **B.** Góc vuông. **C.** Góc tù. **D.** Góc bẹt.

Câu 15. Hình bên có mấy góc tù?

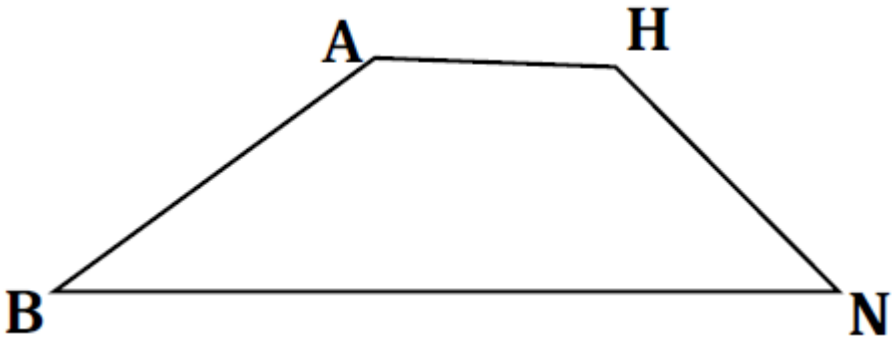

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 16. Số gồm 3 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 1 nghìn, 5 trăm, 0 chục, 4 đơn vị là:

A. 314 504. **B.** 341 540. **C.** 341 054. **D.** 341 504.

Câu 17. Số liền sau của số 99 999 là:

A. 99 998. **B.** 99 9910. **C.** 100 000. **D.** 99 100.

Câu 18. Giá trị của chữ số 3 trong số 132 456 là:

A. 300. **B.** 3 000. **C.** 30. **D.** 30 000.

Câu 19. Chữ số 2 ở số 382 351 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. Hàng chục, lớp chục. **B.** Hàng trăm, lớp đơn vị.

C. Hàng trăm, lớp trăm. **D.** Hàng nghìn, lớp nghìn.

Câu 20. Trong các số: 567 312; 567 213; 573 621; 612 537. Số nào có chữ số 3 thuộc lớp nghìn?

A. 567 312. **B.** 567 213. **C.** 573 621. **D.** 612 537.

Câu 21. Chữ số 5 của số 200 582 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. Hàng trăm, lớp nghìn. **B.** Hàng trăm, lớp đơn vị. **C.** Hàng chục, lớp đơn vị. **D.** Hàng chục, lớp nghìn.

Câu 22. Số 351 394 đọc là?

A. Ba trăm năm mươi một nghìn ba trăm chín tư.

B. Ba trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm chín tư.

C. Ba trăm năm mươi một nghìn ba trăm chín mươi tư.

D. Ba trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi tư.

Câu 23. Một chục triệu được viết là?

A. 10 000. **B.** 1 00 000. **C.** 1 000 000. **D.** 10 000 000.

Câu 24. Số nào sau đây thỏa mãn điều kiện: không chứa số 0 ở lớp đơn vị?

A. 539 062. **B.** 530 926. **C.** 539 602. **D.** 536 029.

Câu 25. Làm tròn số 3 263 148 đến hàng trăm nghìn ta được số?

A. 3 260 000. **B.** 3 270 000. **C.** 3 300 000. **D.** 3 360 000.

Câu 26. Số 1 200 000 là số được làm tròn từ số nào?

A. 1 104 800. **B.** 1 214 800. **C.** 1 274 800. **D.** 1 284 000.

Câu 27. Số cần điền tiếp vào dãy: 2 400 000, 2 400 005, 2 400 010, ….. ,2 400 020 là:

A. 2 400 013. **B.** 2 400 014. **C.** 2 400 015. **D.** 2 400 117.

Câu 28. 9 tấn 15 tạ =…..tạ. Số cần điền là:

A. 915. **B.** 105. **C.** 951. **D.** 905.

Câu 29. Một con voi trưởng thành cân nặng khoảng:

A. 3 kg. **B.** 3 yến. **C.** 3 tạ. **D.** 3 tấn.

Câu 30. Con bò nặng 2 tạ, con lợn nặng 2 yến, con hà mã nặng 2 tấn. Khẳng định sai là?

A. Con hà mã nặng nhất. **B.** Con bò nặng hơn con lợn.

C. Con lợn nhẹ nhất. **D.** Cả ba con nặng bằng nhau.

Câu 31. Số 1 trăm triệu có mấy chữ số 0 tận cùng?

A. 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

Câu 32. Có bao nhiêu số có 4 chữ số mà tổng bốn chữ số bằng 3?

A. 7 số. **B.** 8 số. **C.** 10 số. **D.** 11 số.

Câu 33. Những số nào dưới đây là ba số chẵn liên tiếp?

A. 95, 96, 97. **B.** 62, 64, 68. **C.** 60, 62, 65. **D.** 98, 100, 102.

Câu 34. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số: 12 543; 56 743; 54 676; 34 567 là:

A. 89 243. **B.** 69 286. **C.** 44 200. **D.** 12 543.

Câu 35. 1 tạ 3 yến = ……. kg. Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 130. **B.** 10 030. **C.** 13. **D.** 103.

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

a) 29 763 + 62 537 **b)** 82 765 – 23 849 **c)** 8 075 × 6

.....

.....

.....

d) 5 809 × 9 e) 39 006 : 3 g) 91 503 : 7

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức.

a) 723 × n + 168 (với n = 4)

.....

.....

b) m + 685 : 5 (với m = 723)

.....

.....

c) 120 + m − n (với m = 30 và n = 25)

.....

.....

d) m – n × 2 (với m = 234 và n = 34)

.....

.....

Bài 3: Tính giá trị của biểu thức sau với m = 200 và n = 20.

a) m : 5 + n : 5

.....

.....

b) (m + n) × 2

.....

.....

c) m + n × 2

.....

.....

d) (m + n) : 5

.....

.....

Bài 4: Một con ốc sên bò từ bụi cỏ đến cây chuối theo đường gấp khúc ABCD như hình vẽ dưới đây.

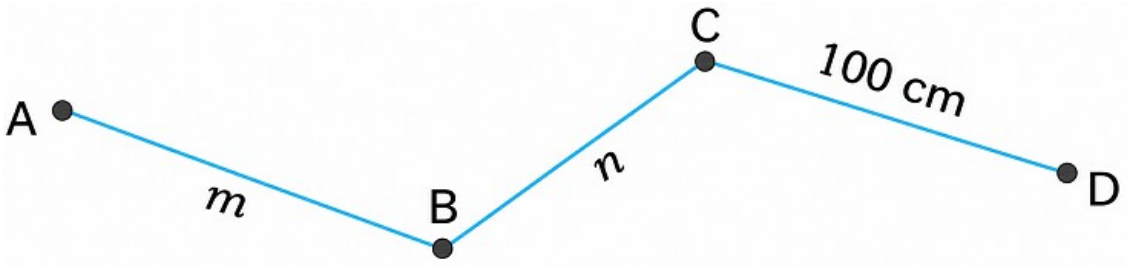

Tính độ dài con ốc sên đã bò trong các trường hợp sau:

a) m = 105 cm; n = 95 cm.

b) m = 10 dm; n = 9 dm.

.....

.....

.....

.....

Bài 5:

a) Sắp các số sau theo thứ tự giảm dần: 678 402, 380 921, 823 919, 420 564, 462 304.

.....

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 10 133 037, 10 133 370, 13 123 700, 30 101 071.

.....

c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 1 000 000 000, 99 999 999, 380 999 999, 380 000 982.

.....

Bài 6: Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) 215 567 …….. 212 328 **b)** 506 209 …… 509 209 **c)** 713 026.....713 026

d) 412 598 …… 412 389 e) 92 680 ……. 102 874 g) 345 408.....432 803

Bài 7: Đổi các đơn vị đo đại lượng sau:

a) 3 tấn = ……. kg 2 tấn 2 tạ = …….. tạ 11 tấn 5 kg =.....kg

4 yến = …….kg 50 tạ 6 kg = ……. kg 68 yến 3 kg = ... kg

86 tạ = …… kg 6 tấn 50 kg = …… kg 823 yến = ... kg

b) 50 tấn 6 kg = …….. kg 800 000 kg = ... tấn

46 000 kg = …… tấn 6 832 kg = …… tấn.....kg

4 030 kg = …….. tấn …… yến 70 035 yến = ……..tấn …… yến

Bài 8: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

87 847, 34 384, 94 765, 12 744, 56 941, 43 246

Trong các số trên:

a) Số chẵn là: ……

Số lẻ là: ……

b) Viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: ……

c) Làm tròn số bé nhất đến hàng trăm ta được số: ……

d) Làm tròn số lớn nhất đến hàng nghìn ta được số: ……

Bài 9: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

382 837 273:……

736 632 882:……

87 273 445:……

700 829 411:……

6 874 225:……

113 325 900:……

278 938:……

b) Hãy làm tròn các số đó đến hàng tương ứng với chữ số được gạch chân.

382 837 273:……

736 632 882:……

87 273 445:……

700 829 411:……

6 874 225:……

113 325 900:……

278 938:……

Bài 10: Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2, 4, 6, 8, 10, 12, ……, ……, …….

b) 3, 7, 11, ….., ….., ……

c) 1, 3, 4, 7, ….., ……, …..

d) 5, 10, 15, ……, ……, ……

Bài 11: Nêu tên các góc có trong hình sau.

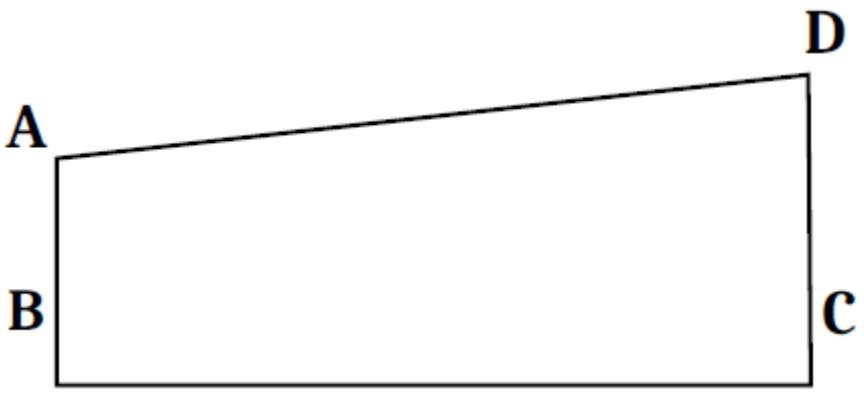

- Góc đỉnh A; cạnh ……
- Góc đỉnh ……; cạnh ……
- Góc đỉnh ……; cạnh ……
- Góc đỉnh ……; cạnh ……

Bài 12: Mẹ đến cửa hàng bán gạo mua 8 kg gạo tẻ, mỗi kg giá 29 000 đồng và mua 5 kg gạo nếp, mỗi kg giá 35 000 đồng. Hỏi mẹ phải trả cho cửa hàng gạo tất cả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 13: Một người đã mua ba hộp bút chì màu, giá 8 000 đồng một hộp và hai hộp bút sáp màu, mỗi hộp giá 12 000 đồng. Hỏi người đó phải trả cô bán hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 14: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 350 kg gạo. Ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 50 kg gạo. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 25 kg gạo. Hỏi cả ba ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 15: Mẹ mua 4 hộp sữa và 2 kg đường. Mỗi hộp sữa có giá 8 000 đồng, 1 kg đường có giá 22 000 đồng. Hỏi mẹ đã mua cả sữa và đường hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 16: Có 3 bao gạo như nhau cân nặng tất cả 45 kg và 1 bao đậu xanh cân nặng 10 kg. Hỏi 5 bao gạo như thế và 1 bao đậu xanh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 17: Chia 64 quả táo vào các túi, mỗi túi 8 quả và chia 36 quả cam vào các túi, mỗi túi 9 quả. Hỏi số túi táo hay túi cam có nhiều hơn và nhiều hơn mấy túi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 18: Hôm nay, bác Năm đi chợ mua 3 bó rau, mỗi bó có giá 4 000 đồng và mua 2 khay trứng, mỗi khay có giá 12 000 đồng. Tổng số tiền bác Năm đi chợ hôm nay là bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

.....

Bài 19: Tại một cửa hàng văn phòng phẩm, một hộp bút có giá là 21 500 đồng. Giá tiền của một ba lô gấp 3 lần giá tiền của một hộp bút. Bạn Nguyên mua một hộp bút và một ba lô. Nguyên đưa cho người bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng cần trả lại Nguyên bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 20: Trong một dãy số, các nhà được đánh số hai bên. Một bên là các nhà mang số chẵn: 2, 4, 6,… Một bên là các nhà mang số lẻ: 1, 3, 5,… Bắt đầu từ nhà số 1 và số 2, bạn Đăng đi một lúc rồi dừng lại và quan sát thấy mình vừa đi qua nhà số 245 và số 248. Hỏi Đăng vừa đi qua tất cả bao nhiêu nhà?

.....
.....
.....
.....

Bài 21: Một xe nâng có thể nâng được nhiều nhất 2 tấn hàng hóa. Mỗi bao gạo cân nặng 5 yến. Hỏi xe nâng có thể nâng 45 bao gạo loại đó cùng một lúc không?

.....
.....
.....
.....